

QUYẾT ĐỊNH

Về xác định vành đai biên giới trong khu vực biên giới tỉnh Tây Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Biên giới quốc gia ngày 17 tháng 6 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về Quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 43/2015/TT-BQP ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về Quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về xác định vành đai biên giới trong khu vực biên giới tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh tại Tờ trình số 446/TTr-BCH ngày 29 tháng 3 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này xác định phạm vi vành đai biên giới trong khu vực biên giới tỉnh Tây Ninh.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và người nước ngoài hoạt động ở khu vực vành đai biên giới trong khu vực biên giới tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Xác định vành đai biên giới trong khu vực biên giới tỉnh Tây Ninh

Việc xác định vành đai biên giới trong khu vực biên giới đất liền tỉnh Tây Ninh được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 25/2018/NQ-HĐND ngày

12 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về xác định vành đai biên giới trong khu vực biên giới tỉnh Tây Ninh.

Điều 3. Số lượng, vị trí cắm biển báo khu vực biên giới, vành đai biên giới trên tuyến biên giới đất liền tỉnh Tây Ninh

Tổng số 176 biển báo vành đai biên giới (*Có phụ lục kèm theo*), Cụ thể:

a) Huyện Tân Châu

Có 32 biển báo vành đai biên giới (từ biển báo số 01 đến biển báo số 32).

b) Huyện Tân Biên

Có 53 biển báo vành đai biên giới (từ biển báo số 33 đến biển báo số 85).

c) Huyện Châu Thành

Có 43 biển báo vành đai biên giới (từ biển báo số 86 đến biển báo số 128).

d) Huyện Bến Cầu

Có 30 biển báo vành đai biên giới (từ biển báo số 129 đến biển báo số 158).

đ) Huyện Trảng Bàng

Có 18 biển báo vành đai biên giới (từ biển báo số 159 đến biển báo số 176).

Điều 4. Mẫu biển báo vành đai biên giới trong khu vực biên giới tỉnh Tây Ninh

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 43/2015/TT-BQP ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Chính phủ về Quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sau đây viết tắt là Thông tư số 43/2015/TT-BQP).

Điều 5. Trách nhiệm thực hiện

1. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng

Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện biên giới:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về biên giới quốc gia; hoạt động trong vành đai biên giới tỉnh Tây Ninh theo quy định của pháp luật;

b) Lập dự toán kinh phí hàng năm bảo đảm cho nhiệm vụ xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

c) Chủ trì phối hợp với sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện biên giới tổ chức thi công cắm biển báo “vành đai biên giới” trên thực địa đảm bảo đúng vị trí đã được xác định theo tọa độ quy định tại phụ lục kèm theo quyết định này;

d) Thực hiện quản lý, sửa chữa hệ thống biển báo đã cắm trên toàn tuyến biên giới đất liền tỉnh Tây Ninh theo quy định của Nghị định số 34/2014/NĐ-

CP ngày 29/4/2014 của Chính phủ về Quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Thông tư số 43/2015/TT-BQP.

2. Các cơ quan, tổ chức khác

a) Thực hiện nghiêm các quy định về quản lý nhà nước về biên giới, hoạt động trong phạm vi vành đai biên giới;

b) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ từng ngành, phối hợp chặt chẽ với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh quản lý chặt chẽ hoạt động trong vành đai biên giới theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 03 tháng 5 năm 2019 và bãi bỏ Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc xác lập khu vực biên giới, vành đai biên giới đất liền của tỉnh Tây Ninh.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện biên giới có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *lg*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Quốc phòng; Công an;
- Ngoại giao; Tư pháp;
- Thường trực: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức CT-XH tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Cơ quan thường trú TTXVN tại Tây Ninh, Báo nhân dân tại Tây Ninh, Truyền hình Quốc hội tại Tây Ninh, Báo Tây Ninh; Đài Phát thanh - Truyền hình Tây Ninh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, VP.ĐBQH, HĐND&UBND tỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Ngọc

PHỤ LỤC**Vị trí 176 biển báo Vành đai biên giới**

(Kèm theo Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND, ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

TT	XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ CẢM BIẾN BÁO VÀNH ĐAI BIÊN GIỚI		
	Tọa độ VN 2000, Múi 6 ⁰	Địa danh (tên gọi)	Cách biên giới (m)
A	HUYỆN TÂN CHÂU		
I	XÃ TÂN HÒA		
01	1289864-657939	Bắc 792, Bắc mép cầu Cần Lê, xã Tân Hòa (giáp ranh tỉnh Bình Phước)	840
02	1290384-657015	Bắc 792, Gần Mũi Kenedi, xã Tân Hòa	250
03	1291228-655260	Bắc 792, đường mòn vào Mốc 80	170
04	1291577-653492	Bắc 792, Bên phải Cửa khẩu Cây Cầy, xã Tân Hòa	250
05	1292690-652333	Bắc 792, Bên trái Cửa khẩu Cây Cầy, xã Tân Hòa	150
06	1292980-651293	Bắc 792, đường mòn ngã 3 Cây Cầy	128
II	XÃ SUỐI NGÔ		
07	1292796-648007	Bắc 792, ngã ba đường mòn giữa Mốc 85 và Mốc 86, xã Suối Ngô	200
08	1292480-647259	Bắc 792, đường mòn vào Mốc 86, xã Suối Ngô	160
09	1291784-646222	Bắc 792, đường mòn giữa ranh giới lô cao Công ty 22/12 và rừng phòng hộ	210
10	1291407-645514	Bắc 792, đường mòn ra Mốc 87, xã Suối Ngô	290
11	1291165-643656	Bắc 792, đường mòn vào Mốc 89, xã Suối Ngô	230
12	1291259-642362	Đường mòn, phía Bắc 792, giữa Mốc 89 và Mốc 90	310
13	1291330-641440	Bắc 792, đầu đường mòn ra Mốc 90, xã Suối Ngô	290
III	XÃ TÂN ĐÔNG		
14	1291917-641293	Bắc 792, đường mòn Lô cao su Công an tỉnh ra Mốc 91, xã Tân Đông	110
15	1292836-640304	Bắc 792, đường mòn lô cao su Công an tỉnh	240
16	1293660-638879	Đường mòn ra mốc 93	294
17	1293970-638258	Bắc 792, đường vào chót Đông Hà, xã Tân Đông ra Mốc 94	280
18	1294650-637863	Bắc 792, đường mòn góc bờ kênh	191

TT	XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ CẨM BIỂN BẢO VÀNH ĐAI BIÊN GIỚI		
	Tọa độ VN 2000, Múi 6 ⁰	Địa danh (tên gọi)	Cách biên giới (m)
19	1295882-636888	Bắc 792, ngã ba đường mòn ra Mốc 95 xã Tân Đông	237
20	1296440-636415	Bắc 792, ngã ba đường mòn đi Phum Chom	200
21	1296459-635423	Bắc 792, bên phải Cửa khẩu Cà Tum, đường mòn ra Mốc 96	260
22	1296865-633984	Bắc 792, bên trái Cửa khẩu Cà Tum	220
23	1296745-632536	Đường mòn ra mốc 98	140
24	1297160-631209	Bắc đường 792, đầu đường mòn phum Tầm Phô/Tân Đông.	160
25	1297865-630410	Đường mòn tiếp giáp ranh giới 02 Đôn 819 và 821	190
IV	XÃ TÂN HÀ		
26	1298639-628862	Bắc đường 792, đường mòn khu vực Bàu Đá, xã Tân Hà.	233
27	1298625-627862	Bắc 792, đường mòn ra Mốc 101	270
28	1298728-627090	Bắc 792, Bên phải Cửa khẩu Vạc Xa, xã Tân Hà	260
29	1297758-624820	Bên trái Cửa khẩu Vạc Xa, đường mòn ra mốc 104	280
30	1298514-623490	Bắc 792, đường mòn ra Mốc 105, xã Tân Hà	140
31	1298522-622408	Bắc 792, đường mòn ra giữa Mốc 105 và Mốc 106	210
32	1298250-621113	Bắc 792, đường mòn ra biên giới giáp ranh 2 huyện Tân Châu và Tân Biên	240
B	HUYỆN TÂN BIÊN		
I	XÃ TÂN LẬP		
33	1298670-620160	Bắc 792, đường mòn đi chốt Sam/Đôn Rót/Campuchia	210
34	1299352-619672	Bắc 792, đầu đường mòn ra hướng Mốc 107, xã Tân Lập	150
35	1299960-618560	Bắc 792, đầu đường mòn ra hướng Mốc 108 xã Tân Lập	330
36	1300504-618282	Bắc 792, đường mòn ra giữa Mốc 108 và Mốc 109 xã Tân Lập	160
37	1300992-617525	Bắc 792, bên phải Cửa khẩu Chàng Riệc xã Tân Lập	160
38	1302528-616338	Bắc 792, bên trái Cửa khẩu Chàng Riệc xã Tân Lập	158

TT	XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ CẢM BIẾN BÁO VÀNH ĐAI BIÊN GIỚI		
	Tọa độ VN 2000, Múi 6 ⁰	Địa danh (tên gọi)	Cách biên giới (m)
39	1302532-615528	Bắc 792, Đồi 62 xã Tân Lập đường mòn đi chốt Tà Cóc/Campuchia	290
40	1302120-613607	Bắc 792, đầu đường mòn vào Mốc 111 xã Tân Lập	250
41	1301770-612302	Bắc 792, đầu đường mòn giữa Mốc 112 và Mốc 113	300
42	1301427-610876	Bắc 792, cua Cự 24, xã Tân Lập đường qua Đồn Xà Om/Campuchia	130(82)
43	1300633-610607	Bắc 792, đầu đường mòn qua biên giới, xã Tân Lập	300
44	1299733-610343	Tây 792, đầu đường mòn ra Mốc 113 biên giới xã Tân Lập	240
45	1299240-610181	Tây 792, cua đường 792 đầu đường mòn ra biên giới xã Tân Lập	310
46	1297733-610615	Tây 792, cua Trảng Dầu đường mòn ra biên giới, xã Tân Lập	170
47	1297037-610850	Tây 792, đầu đường mòn Chốt Dân quân Trảng Dầu, xã Tân Lập	320
48	1295367-609860	Tây 792, đầu đường mòn cua chữ V đường xã Tân Lập	220
49	1293799-609183	Tây 792, đường mòn ra biên chốt Biên phòng Trảng Tranh/đồn 827	290
50	1293495-608604	Bắc 792, đường mòn ra Mốc 115, xã Tân Lập	210
51	1291906-606632	Tây 792, đường mòn ra Mốc 117 biên giới xã Tân Lập	240
52	1290720-607095	Tây Bắc 792, gần chốt số 2, bên phải Cửa khẩu Quốc tế Xa Mát, xã Tân Lập	231
53	1288712-605888	Tây Bắc 791, bên trái Cửa khẩu Quốc tế Xa Mát, xã Tân Lập	313
54	1288343-605323	Tây Bắc 791, Đường ra mốc 119	210
55	1286930-604070	Tây Bắc 791, Đường ra mốc 120	280
II	XÃ TÂN BÌNH		
56	1286961-603256	Bắc 791, đường mòn giáp suối Đa Ha chốt cầu Ván ra biên giới xã Tân Bình.	120
57	1287087-602742	Bắc 791, đầu đường mòn ra Mốc 121, biên giới xã Tân Bình	190
58	1287690-601182	Bắc 791, đường mòn ranh giới 827 và 831 xã Tân Bình	160
59	1288103-600237	Bắc 791, đường mòn đi Đồn	180

TT	XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ CẨM BIỂN BẢO VÀNH ĐAI BIÊN GIỚI		
	Tọa độ VN 2000, Múi 6 ⁰	Địa danh (tên gọi)	Cách biên giới (m)
		PRachKhao/Campuchia, xã Tân Bình	
60	1288773-599055	Bắc 791, đường mòn ra khu vực Mốc 122, biên giới xã Tân Bình	280
61	1289322-598452	Bắc 791, đầu đường mòn phía Tây khu vực Mốc 122, xã Tân Bình	160
62	1289716-597856	Tây Bắc 791, đường mòn ra biên giới gần chốt Dân quân, Ngã 3 dân sinh, xã Tân Bình	210
63	1290956-595978	Bắc 791, đường mòn ra biên giới, chốt Biên phòng Tân Thanh/Đồn 831, xã Tân Bình	120
64	1290157-595081	Bắc 791, đường mòn ra biên giới giữa Mốc 123 và Mốc 124	270
65	1289692-593606	Bắc 791, đường mòn ra Mốc 124, xã Tân Bình	220
66	1288725-592681	Bắc 791, đường mòn ra biên giới qua chốt Dân quân Cây Cầy, xã Tân Bình	260
67	1287934-592164	Tây Bắc 791, đường mòn ra biên giới Mốc 125 xã Tân Bình	260
68	1285869-591075	Tây Bắc 791, đường mòn ra biên giới giữa Mốc 127 và Mốc 128, xã Tân Bình	290
69	1285198-590735	Tây Bắc 791, đường mòn ra biên giới Mốc 128, xã Tân Bình	180
70	1284717-590362	Tây Bắc 791, đầu đường mòn ra biên giới khu vực tiếp giáp giữa Đồn BP 831 và 833, xã Tân Bình	240
71	1281559-588764	Tây Bắc 791, đường mòn ra biên giới, cua đường 791 phía Nam Đồn 833	440
72	1279460-591802	Nam 791, đầu đường mòn ra biên giới gần cua lớn xã Tân Bình	860
73	1279320-593632	Nam 791, đường mòn ra biên giới đi Bến Ra, xã Tân Bình	470
74	1277531-595482	Tây Nam 791, đầu Cầu Khỉ, xã Tân Bình	500
75	1275563-596377	Tây 791, ngã ba Lò Gò, xã Tân Bình	160
III	XÃ HÒA HIỆP		
76	1273874-596682	Tây lộ 788, đường mòn ra biên giới phía Nam Đồn 835, xã Hòa Hiệp	340
77	1271797-596233	Tây lộ 788, Ngã ba chốt dân quân của số 5, xã Hòa Hiệp	350
78	1270724-596503	Tây Bắc đường mòn, bên phải Trạm Kiểm	240

TT	XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ CẢM BIẾN BÁO VÀNH ĐAI BIÊN GIỚI		
	Tọa độ VN 2000, Múi 6 ⁰	Địa danh (tên gọi)	Cách biên giới (m)
		soát Năm Chi/đồn 835, xã Hòa Hiệp	
79	1269727-596509	Tây đường mòn, bên trái Trạm Kiểm soát Năm Chi/đồn 835, xã Hòa Hiệp	220
80	1268954-595893	Đường mòn ra bàu Tám Quan biên giới, xã Hòa Hiệp	320
81	1268240-596054	Ngã ba đường mòn ra bàu Tám Quan, ấp Hòa Lợi, xã Hòa Hiệp	320
82	1267356-595844	Ngã ba đường mòn ra cua tay áo sông Vàm Cỏ, ấp Hòa Lợi, xã Hòa Hiệp	110
83	1266680-596470	Đường mòn ra sông Vàm Cỏ, ấp Hòa Lợi, xã Hòa Hiệp	210
84	1266350-597429	Đường mòn ra sông Vàm Cỏ, ấp Hòa Lợi, xã Hòa Hiệp	140
85	1266335-598201	Tây đường 788, ngã tư đường vào chốt Dân quân Cây Me, xã Hòa Hiệp	240
C	HUYỆN CHÁU THÀNH		
I	XÃ PHƯỚC VINH		
86	1265353-598595	Tây đường 788, đường mòn Đồi Thờ xã Phước Vinh	290
87	1264835-598636	Tây đường 788, đường mòn ra chốt Dân quân Đồi Thờ, xã Phước Vinh	270
88	1264370-598600	Tây 788, Ngã ba Phước Hòa điểm lối đầu đường dự án 47, xã Phước Vinh	310
89	1262989-597359	Đầu đường mòn giáp kênh Tam Thái, Tiểu khu 68, xã Phước Vinh	320
90	1262295-596956	Đường mòn ngã ba Tiểu khu 68, ấp Phước Trung, xã Phước Vinh	260
91	1261794-596692	Đường bờ ruộng ra ngã ba Vàm Mốc 134, xã Biên Giới	230
92	1261098-596135	Đường mòn khu vực Đồn cũ 839, xã Phước Vinh	290
II	XÃ BIÊN GIỚI		
93	1260635-595415	Đường bờ ruộng ra mốc 135, xã Biên Giới	290
94	1260030-595702	Đường bờ ruộng đầu kênh Tam Bu, xã Biên Giới	240
95	1259018-595885	Ngã ba đường mòn ra Mốc 136, xã Biên Giới	200
96	1258136-595438	Đường mòn ra biên giới qua chốt Dân quân Tân Định, xã Biên Giới	342
97	1256920-596310	Ngã ba đầu đường mòn ra Mốc 138 xã	104

XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ CẢM BIẾN BÁO VÀNH ĐAI BIÊN GIỚI			
TT	Tọa độ VN 2000, Múi 6⁰	Địa danh (tên gọi)	Cách biên giới (m)
		Biên Giới	
98	1256250-596497	Ngã ba đường mòn ấp Tân Định, xã Biên Giới	340
99	1255374-596240	Tây đường mòn ấp Tân Định, xã Biên Giới	355
100	1254536-595947	Đường mòn phía trước Đồn 839, xã Biên Giới	280
101	1252172-595338	Đường mòn ra biên giới ấp Bến Cầu đi phum Ph.Rrey Tul	240
102	1250234-595161	Đường mòn ra chốt Biên phòng Tân Long, xã Biên Giới	350
III	XÃ HÒA THẠNH		
103	1247910-595000	Đường mòn ra Mốc 146, xã Hòa Thạnh	240
104	1248210-596072	Đường Cây Sơn ra Mốc 147, ấp Hiệp Bình, xã Hòa Thạnh	200
105	1248279-596827	Đường qua chốt Dân quân Mít Trụ ra biên giới xã Hòa Thạnh	230
106	1248020-597922	Đường mòn ra biên giới xã Hòa Thạnh	160
107	1247966-598947	Đường mòn khu vực Rừng Nho, ấp Hiệp Bình, xã Hòa Thạnh	260
IV	XÃ HÒA HỘI		
108	1247162-599092	Đường ra Mốc 148 ấp Bồ Lớn, xã Hòa Hội	190
109	1246736-599160	Đường mòn qua xã Tha Na Tha Nuông ấp Bồ Lớn, xã Hòa Hội	240
V	XÃ THÀNH LONG		
110	1246206-599536	Đầu đường kinh tế ngoài ấp Thành Tân, xã Thành Long	260
111	1245394-599413	Đường mòn ra Mốc 149 ấp Thành Tân, xã Thành Long	144
112	1244404-599164	Bên phải Cửa khẩu Phước Tân, xã Thành Long	300
113	1242885-599439	Bên trái Cửa khẩu Phước Tân, đường ra Mốc 151, xã Thành Long	200
114	1241950-600010	Đầu đường Nông trường Thành Long, xã Thành Long	110
115	1240990-600797	Đường bờ lô mía Nông trường Thành Long	220
116	1240265-601696	Đường đi Tàn Dù ấp Thành Nam, xã Thành Long	230
117	1239739-602167	Đường bờ lô mía giữa Mốc 152 và Mốc 153, xã Thành Long	180
118	1239211-602889	Đường bờ lô mía ra Mốc 153, xã Thành	253

TT	XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ CẢM BIẾN BÁO VÀNH ĐAI BIÊN GIỚI		
	Tọa độ VN 2000, Múi 6 ⁰	Địa danh (tên gọi)	Cách biên giới (m)
		Long	
119	1238743-603789	Đường ra vị trí tiếp giáp giữa Đôn Biên phòng 843 và 845 (843) xã Thành Long	170
VI	XÃ NINH ĐIỀN		
120	1238513-604587	Đường lô cao su giữa Mốc 153 và Mốc 154, xã Ninh Điền	263
121	1238120-605358	Đầu đường ra Mốc 154 ấp Bến Cừ, xã Ninh Điền	210
122	1238529-606276	Ngã ba đường mòn đi Bàu Trông Heo ra Mốc 155, xã Ninh Điền	250
123	1238048-607298	Đường lô mía Công ty 22/12, xã Ninh Điền	180
124	1237796-608280	Đường lô mía Công ty 22/12 xã Ninh Điền	260
125	1237612-609215	Đường bờ đê qua chốt sản xuất 22/12	230
126	1237593-609918	Đường mòn ra giữa đường bờ đê cùng và Mốc 156	260
127	1237594-610833	Ngã ba đường ra Mốc 156, xã Ninh Điền	360
128	1237002-610885	Ngã ba đường mòn ranh giới giữa Đôn Biên phòng 845 và 847, xã Ninh Điền	300
D	HUYỆN BẾN CẦU		
I	XÃ LONG PHƯỚC		
129	1236731-610892	Tây đường lô mía tiếp giáp hai Đôn 845 và 847, xã Long Phước	280
130	1236112-610970	Ngã ba đường mòn qua chốt Bàu Năng, xã Long Phước	300
131	1235224-611023	Ngã ba đường lô ra Mốc 157, ấp Phước Trung, xã Long Phước	270
132	1234506-611101	Đường ra khu vực Mốc 157, ấp Phước Trung, xã Long Phước	270
133	1233122-611310	Phía Nam khu vực Cửa khẩu Long Phước	310
134	1232490-611338	Bắc đường mòn phía trước Đôn Biên phòng Long Phước	120
135	1231837-611987	Đường mòn ra biên giới gần Mốc 159	210
136	1231252-613021	Ngã ba đường mòn ra Mốc 159, xã Long Phước	200
137	1231001-613590	Đường mòn ra biên giới giữa Mốc 159 và Mốc 160	200
138	1230563-614154	Khu vực trại heo, xã Long Phước	112
II	XÃ LONG KHÁNH		
139	1230111-614860	Ngã ba Bàu Ròng, xã Long Khánh	130

TT	XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ CẢM BIẾN BÁO VÀNH ĐAI BIÊN GIỚI		
	Tọa độ VN 2000, Múi 6 ⁰	Địa danh (tên gọi)	Cách biên giới (m)
140	1229804-615334	Qua ngã ba Bàu Rông ra biên giới, xã Long Khánh	150
141	1229310-615933	Đường mòn ra Mốc 161, xã Long Khánh	180
142	1228886-616300	Đường ra mốc phụ 161/2	130
III	XÃ LONG THUẬN		
143	1227695-618278	Đường mòn ra biên giới gần cầu Thúc Múc	180
144	1227623-618713	Đầu đường mòn ra Mốc 163, ấp Long Hưng, xã Long Thuận	170
145	1226524-619550	Đường mòn giữa Mốc 164 và Mốc 165, xã Long Thuận	148
146	1225660-620162	Tây Cửa khẩu Long Thuận, đường mòn ra biên giới trước trạm Kiểm soát Long Thuận.	200
147	1225089-621044	Ngã ba đường mòn; phía Đông khu vực Cửa khẩu Long Thuận	310
148	1225614-621643	Đường mòn ra Mốc 167, xã Long Thuận	200
149	1226455-622572	Ngã ba đường mòn ra Mốc 168, xã Long Thuận	250
150	1226786-623378	Đường mòn ra biên giới giữa Mốc 168 và Mốc 169	220
151	1227243-624117	Đầu cầu Ấp Long An, xã Long Thuận	228
IV	XÃ TIỀN THUẬN		
152	1227610-624797	Nam bờ kênh giữa Mốc 169 và Mốc 170	120
153	1227765-625873	Đầu Cầu trắng đường ra Mốc 170, xã Tiên Thuận	135
154	1226861-626545	Đường Cầu trắng nối dài song song với biên giới xã Tiên Thuận	110
V	XÃ LỢI THUẬN		
155	1226366-626937	Đường mòn ra biên giới giữa Mốc 170 và Mốc 171	130
156	1225677-627507	Bên phải Cửa khẩu Quốc tế Mộc Bài, xã Lợi Thuận	180
157	1223422-628885	Bên trái Cửa khẩu Quốc tế Mộc Bài, xã Lợi Thuận	145
158	1222706-629334	Ranh giới suối cạn giữa 2 huyện Bến Cầu và Trảng Bàng.	190
E	HUYỆN TRẢNG BÀNG		
I	XÃ BÌNH THẠNH		
159	1222242-629773	Đường mòn bờ bao đất doanh nghiệp Quang Sáu xã Bình Thạnh, huyện Trảng Bàng	350

TT	XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ CẢM BIẾN BÁO VÀNH ĐAI BIÊN GIỚI		
	Tọa độ VN 2000, Múi 6 ⁰	Địa danh (tên gọi)	Cách biên giới (m)
160	1221372-629834	Đầu ngã ba trang trại, xã Bình Thạnh	190
161	1220453-630145	Đường sỏi bờ kênh Út Nô, xã Bình Thạnh	380
162	1219864-630018	Đầu ngã ba đường mòn giáp kênh Cầu Gò Ngãi, xã Bình Thạnh	180
163	1219256-630068	Đầu cầu Ông Sãi ấp Bình Quới, xã Bình Thạnh	150
164	1218350-630316	Bắc đường đỏ đường cầu Ông Cỏ, Mốc 173	270
165	1217693-630556	Đường cầu bò ra Mốc 174 ấp Bình Phú, xã Bình Thạnh	410
166	1216758-630752	Đường mòn ra mốc phụ 174/1 xã Bình Thạnh	420
167	1216445-630519	Đường mòn ra biên giới ấp Bình Phú, xã Bình Thạnh	120
II	XÃ PHƯỚC CHỈ		
168	1215966-630664	Mép đường Tuần tra hướng ra Biên giới xã Phước Chỉ	150
169	1214813-631306	Bên trái Cửa khẩu Phước Chỉ, đường vào chốt K1, xã Phước Chỉ	190
170	1214128-631653	Ấp Phước Mỹ, xã Phước Chỉ	190
171	1213707-631744	Đường ra Mốc 176, xã Phước Chỉ	210
172	1213174-630904	Ấp Phước Mỹ, xã Phước Chỉ	320
173	1213236-630289	Ấp Phước Mỹ, xã Phước Chỉ	130
174	1213351-629304	Ấp Phước Mỹ, xã Phước Chỉ	160
175	1213385-628743	Ngã 3 đường tuần tra biên giới Ấp Phước Mỹ, xã Phước Chỉ	140
176	1213950-627738	Ấp Phước Mỹ, xã Phước Chỉ	140